

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2024/DS-PT;
Ngày: 23/9/2024;
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt;

Ông Nguyễn Chí Đức.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:* Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3324/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm: 1940;

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm: 1976; địa chỉ: khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Bích T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; có mặt.

2. Luật sư Hoàng Văn S - Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn B1, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Hồng T2, sinh năm: 1991; địa chỉ: G, ấp K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo hợp đồng ủy quyền ngày 12 tháng 9 năm 2024); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện, biên bản phiên họp và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Trần Thị B trình bày:

Bà là mẹ ruột của bị đơn Trương Văn B1 và sống chung nhà với ông B1. Vào năm 2019, bà có tích lũy được số tiền để dành lúc tuổi già là 320.000.000 đồng, bà muốn gửi số tiền này vào Ngân hàng để lấy tiền lãi hàng tháng sử dụng cho nhu cầu cá nhân và thiết yếu trong gia đình. Do ông B1 là con trai út sống chung nhà nên bà giao số tiền trên cho ông B1, mục đích để ông B1 đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C để gửi tiền cho bà. Việc giao tiền tiến hành tại nhà của bà, không có làm giấy tờ, chỉ có các người con khác chứng kiến việc này. Do bà đi lại khó khăn, để thuận tiện đi lãnh tiền lãi hàng tháng thì ông B1 có đề nghị với bà để cho ông B1 đứng tên trên sổ tiết kiệm, hàng tháng ông B1 sẽ đến Ngân hàng lãnh tiền lãi về đưa lại cho bà. Tuy nhiên, sau đó khi ông B1 lấy tiền lãi về thì không đưa lại cho bà như đã thỏa thuận, bà nhiều lần yêu cầu ông B1 trả lại cho bà số tiền 320.000.000 đồng thì ông B1 hứa sẽ rút tiền về trả lại cho bà nhưng không thực hiện.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông B1 trả lại cho bà số tiền mà bà đã nhờ ông B1 gửi ngân hàng là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Trương Văn B1) là bà Nguyễn Thụy Hồng T2 trình bày: Ông B1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B vì ông B1 không có nhận bất kỳ số tiền nào của bà Trần Thị B.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/DSST, ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị B đối với bị đơn Trương Văn B1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2024, nguyên đơn bà Trần Thị B có đơn kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị T trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bà T trình bày bà là con của nguyên đơn, chị của bị đơn, việc giao tiền giữa nguyên đơn và bị đơn vào năm 2017 chứ không phải năm 2019 như nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ở giai đoạn sơ thẩm. Hiện nay, bà B không còn ở chung nhà với ông B1 và cũng đang khởi kiện bị đơn một vụ kiện khác liên quan đến đất đai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Trần Thị B cho rằng vào năm 2019, bà giao cho ông B1 số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) để ông B1 đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre gửi tiền và nhận tiền lãi hàng tháng thay cho bà. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà B cung cấp chứng cứ để chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của mình nhưng bà B không cung cấp được. Bị đơn cho rằng không có nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà B.

[2.2] Văn bản số: 35/NHNo.CL-KTNQ ngày 21/5/2024 của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre xác định thời gian ông B1 mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng là từ ngày 10/4/2017. Như vậy, thời gian ông B1 bắt đầu gửi số tiền 350.000.000 đồng là năm 2017 chứ không phải là năm 2019 như bà B đã trình bày.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày do bà B lớn tuổi, mau quên nên không nhớ chính xác mà ngày giao tiền là ngày 10/4/2017 chứ không phải là trong năm 2019 như nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ở giai đoạn sơ thẩm. Và việc giao tiền thì giữa bà B với ông B1, bà T không trực tiếp thấy giao nhận tiền mà chỉ sau đó cùng ông B1 ra Ngân hàng sau đó gửi 350.000.000 đồng, trong đó của bà B 320.000.000 đồng, của ông B1 30.000.000 đồng. Nguyên đơn cũng cho rằng trước khi bà B khởi kiện thì bị đơn có hứa trả bà B số tiền 320.000.000 đồng này. Bị đơn không thừa nhận nội dung này.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B là phù hợp.

[3] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 183/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị B đối với bị đơn Trương Văn B1.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị B được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Chợ Lách;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng